

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 91/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19-4-2021.

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thức.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông: Nguyễn Chí Lin

- Bà: Trần Thị Đổi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 19/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 305/2021/TLST-HNGĐ ngày 24/3/2021 về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/2021, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị M, sinh năm 1986;

2. *Bị đơn:* Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: Ấp Thôn Đ, xã T, thị xã P, tỉnh B.

Tạm trú: Số 99A, ấp Đ 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L. (Các đương sự vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 12/11/2020 và quá trình giải quyết vụ án, bà Vũ Thị M trình bày:

Bà và ông Đỗ Văn H chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã P, tỉnh B. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân bà Mừng cho rằng do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ

chồng thường xuyên cãi vả nhau, ông H không chí thú làm ăn nên bà và ông H đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà M khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông H có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 07/4/2021, ông trình bày:

Ông thống nhất với ý kiến và lời trình bày của bà M về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, về con chung, tài sản chung, nợ chung cũng như thời gian ly thân là đúng. Ông xác định vợ chồng cũng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không trầm trọng. Do vậy, ông không đồng ý ly hôn và xin hàn gắn, đoàn tụ.

Tòa án không tiến hành hòa do nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai công khai tại phiên toà, trên cơ sở trình bày của đương sự có trong hồ sơ vụ án, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án,*

Bà Vũ Thị M xin ly hôn với ông Đỗ Văn H. Theo xác nhận của chính quyền địa phương thì ông H hiện đang cư trú tại ấp Đ2, xã Đ, huyện Đ, Long An, trước thời điểm Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh B thụ lý vụ án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thụ lý vụ án theo Quyết định chuyển vụ án của Tòa án nhân dân thị xã P là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung:*

[2.1]. *Quan hệ hôn nhân,*

Bà Vũ Thị M và ông Đỗ Văn H chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn cùng năm 2008 là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Bà Mừng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với ông H; ông H không đồng ý ly hôn và tha thiết xin đoàn tụ.

Xét thấy, theo như lời trình bày của các đương sự thì trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Ông H thì cho rằng mâu thuẫn không trầm trọng nhưng vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay nhưng cả hai bên cũng không có biện pháp gì để hàn gắn, đoàn tụ.

Từ những phân tích trên, thấy rằng cuộc sống vợ chồng giữa bà M và ông H không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài nên việc bà M xin ly hôn là

có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. *Về con chung, tài sản chung và nợ chung*: Bà M và ông H thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. *Về án phí*: Bà Vũ Thị M phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 35, 63, 146, 222, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 51, 56 và 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Vũ Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị M được ly hôn với ông Đỗ Văn H
2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất khai không có.

3. Về án phí:

Bà Vũ Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 6099 ngày 24/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh B, sang án phí để thi hành.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm tuyên án công khai, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND thị xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

ĐÃ KÝ

Văn Công Thức

